

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN LÃNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28-9-2022
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Xuyến;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Đức Bình;
2. Ông Nguyễn Văn Nhòng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Liên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Nguyễn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 161/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2022 về Ly hôn theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 63/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị X, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng, vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn D, xã V, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải, nguyên đơn là chị Hoàng Thị X trình bày:

Chị X và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V ngày 28/11/2017. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh Đ thường hay tụ tập bạn bè rượu chè, lười lao động, tất cả kinh tế gia đình đều do chị gánh vác. Ngoài ra, anh

Đ thường xuyên quở thúc chị, không cho chị về nhà mẹ đẻ, không cho dùng điện thoại liên lạc với mọi người và quản lý toàn bộ kinh tế, tự ý tiêu xài kinh tế không trao đổi, bàn bạc với chị. Vợ chồng mặc dù chung sống với nhau nhiều năm nhưng chưa có con, nhiều lần chị X trao đổi với anh Đ về việc sinh con nhưng anh Đ bảo chỉ cần vợ không cần con nên chị X chán nản, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Chị đã nhiều lần nói chuyện với anh Đ về việc ly hôn để giải thoát cho nhau nhưng anh Đ không đồng ý. Cuối tháng 7 năm 2022, tay chị bị lên u kén phải phẫu thuật nhưng anh Đ không đưa tiền cho chị chữa trị, chị phải về nhà mẹ đẻ để điều trị, anh Đ và gia đình không một lời hỏi thăm. Kể từ đó đến nay, chị và anh Đ sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Từ khi ly thân đến nay, anh Đ không hỏi thăm, động viên chị quay về đoàn tụ, cũng không liên lạc với chị. Nhận thấy anh Đ không còn coi trọng chị; chị không còn tình cảm với anh Đ, không thể đoàn tụ với anh Đ, chị X yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ. Anh chị không có con chung và tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải, bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ khai về thời gian, điều kiện kết hôn như nội dung trình bày của chị X. Quá trình chung sống, anh chị hạnh phúc, chỉ thỉnh thoảng xảy ra mâu thuẫn nhỏ, tuy lúc nóng giận anh có chửi mắng vợ nhưng vẫn yêu thương vợ, mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng. Do công ty ít việc nên anh phải nghỉ việc để làm công việc khác nhưng chị X không hiểu, thường xuyên phàn nàn với anh và bố mẹ anh Đ. Vợ chồng chung sống với nhau đã lâu mà không có con mặc dù đã thu xếp đi khám chữa nhưng vì điều kiện kinh tế và không có thời gian nên anh chị chưa chữa trị được, và vì thế tình cảm vợ chồng cũng lạnh nhạt dần. Nhiều lần chị X có đề cập đến việc ly hôn để giải thoát cho nhau nhưng anh không đồng ý, không muốn vợ chồng bỏ nhau. Khoảng tháng 6 năm 2022, chị X có khối u kén ở tay, hai vợ chồng đã bàn bạc việc khám chữa nhưng gia đình chị X đến xin chị về nhà cho chị đi khám chữa, kể từ đó chị X không trở về nhà, anh chị sống ly thân nhau từ đó đến nay. Kể từ khi ly thân, vì chị X tự bỏ về nên anh và gia đình anh không đến nhà thăm hỏi, động viên chị X quay về, không nói chuyện, liên lạc với chị X, cũng không có phương án nào hoà giải để vợ chồng đoàn tụ; vì chán nản nên anh cũng nghỉ việc luôn, không đi làm. Nay chị X yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý vì anh vẫn còn tình cảm với chị X, mong muốn vợ chồng được đoàn tụ. Anh chị không có con chung và tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện: Anh Đ, chị X tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V ngày 28/11/2017. Tháng 7 năm 2022, chị X bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống do chị X có khối u ở tay phải phẫu thuật nên chị X về nhà mẹ đẻ gia đình chị X cho đi điều trị. Sau khi phẫu thuật xong, chị X không trở về nhà chồng, anh chị sống ly thân nhau từ đó đến nay. Anh chị chung sống đã lâu nhưng không có con chung, không có sự ràng buộc nên tình cảm lạnh nhạt dần; anh Đ hay thay đổi công việc, chỉ làm được 01 đến 02 tháng lại nghỉ, không ổn Đ nên ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Anh chị không có con chung, tài sản chung.

Tại phiên toà, các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; nguyên đơn không có văn bản thể hiện việc thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện; bị đơn không có văn bản thể hiện việc thay đổi ý kiến.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc thu thập được chứng cứ, tài liệu, mở phiên họp, hoà giải, quyết Đ đưa vụ án ra xét xử đúng quy Đ về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng; phiên toà được mở đúng thời hạn, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy Đ của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy Đ tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho chị Hoàng Thị X được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ. Các đương sự con chung và tài sản chung, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Chị X là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy Đ của pháp luật.

NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận Đ:

- Về tố tụng:

[1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị X thì quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là Ly hôn; anh Nguyễn Văn Đ là bị đơn, hiện đang cư trú tại: Thôn D, xã V, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng theo quy Đ tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị X và anh Nguyễn Văn Đ được xác lập từ ngày 28/11/2017 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp. Anh Đ lười lao động, thường hay tụ tập bạn bè uống rượu, quản lý chị X quá mức; anh chị chung sống với nhau nhiều năm nhưng chưa có con mặc dù nhiều lần chị X trao đổi với anh Đ về việc khám chữa nhưng anh Đ không hợp tác nên tình cảm vợ chồng trở nên lạnh nhạt, không quan tâm nhau. Tháng 7 năm 2022, chị X bị bệnh phải phẫu thuật nhưng anh Đ không quan tâm, chăm sóc chị,

thậm chí không đưa tiền để chi phí điều trị. Khi chị X về nhà mẹ đẻ điều trị bệnh thì anh Đ không ai thăm hỏi, động viên. Do mâu thuẫn gay gắt, sau khi điều trị bệnh xong, chị X không trở về chung sống với anh Đ, anh chị sống ly thân nhau từ đó đến nay. Kể từ khi sống ly thân đến nay, anh chị không liên lạc với nhau, cũng không có phương án nào hoà giải mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Như vậy, có đủ căn cứ xác Đ, anh Đ đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho tình trạng hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét thấy, yêu cầu ly hôn của chị X là có căn cứ, phù hợp với quy Đ tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận, xử cho chị X được ly hôn anh Đ.

[4] Chị X, anh Đ xác nhận không có con chung và tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị X là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy Đ tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy Đ về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT Đ:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy Đ về án phí, lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị X:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị X được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.
2. Về con chung: Không giải quyết do các đương sự không có con chung, không yêu cầu giải quyết.
3. Về tài sản chung: Không giải quyết do các đương sự không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.
4. Về án phí: Chị Hoàng Thị X phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị X đã nộp đủ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0006335 ngày 16 tháng 8 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng.

Chị X, anh Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy Đ của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy Đ tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy Đ tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy Đ tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- Đương sự (để thi hành);
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- UBND xã V, huyện T, thành phố Hải Phòng (ĐKKH năm 2017);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Xuyên

